
Bản án số: 35/2022/ DSST
Ngày 01/07/2022
V/v tranh chấp HĐ mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HIỆP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật

- Hội thẩm nhân dân: 1/ - Ông Nguyễn Hoàng Minh

2/ - Ông Từ Tứ Hải

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Thiên Ân –

Thư Ký Tòa án Nhân Dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trong ngày 01 tháng 07 năm 2022. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2022/ TLST- DS ngày 05 tháng 05 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 06 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Vũ Ngọc M**, sinh năm: 1960 (có mặt)

Bà **Mai Thị K**, sinh năm 1963 (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K 4A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông **Nguyễn Công T**, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Bà **Lê Thị Thanh L**, sinh ngày 1971 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp K 2A, xã T H A, huyện T H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K cùng trình bày: Nguyên trước đây vợ chồng tôi có bán thiếu thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L. Sau đó đến ngày 02/9/2021 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L thừa nhận còn thiếu nợ của vợ chồng tôi số tiền thức ăn chăn nuôi là 735.000.000đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng). Ông T, bà L có làm biên nhận nợ ngày 02/09/2021 với vợ chồng tôi, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 1%/1tháng và ông T, bà L có thỏa thuận sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho vợ chồng tôi sau khi bán heo xong vào ngày 02/10/2021. Nhưng sau khi bán heo xong vào ngày 02/10/2021 thì vợ chồng ông T, bà L không trả nợ gốc và đóng lãi cho vợ chồng tôi, mặc dù vợ chồng tôi có đến nhà ông T, bà L đòi nợ nhiều lần nhưng ông T, bà L chỉ hứa mà không thực hiện việc trả nợ.

Nay tại phiên tòa, vợ chồng tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp giải quyết buộc vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L trả nợ cho vợ chồng tôi số tiền gốc là 735.000.000đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L cùng trình bày: theo bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 25/05/2022 vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L cùng trình bày: Nguyên trước đây vợ chồng tôi có mua thiếu thức ăn chăn nuôi của vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K. Sau đó đến ngày 02/9/2021 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là vợ chồng tôi còn thiếu tiền thức ăn chăn nuôi của vợ chồng ông Vũ Ngọc M và bà Mai Thị K là 735.000.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng). Vợ chồng tôi có làm biên nhận nợ ngày 02/09/2021 với vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 1%/1tháng, vợ chồng tôi có thỏa thuận sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho ông vợ chồng ông M, bà K là sau khi bán heo xong vào ngày 02/10/2021. Do làm ăn thất bại hoàn cảnh gia đình khó khăn nên vợ chồng tôi không có khả năng trả tiền nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông M, bà K được.

Nay tại Tòa án, vợ chồng tôi thừa nhận còn nợ vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 735.000.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), do

làm ăn thất bại, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng tôi xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K cho đến khi hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Đây là vụ kiện tranh chấp hợp mua bán tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Mặt khác đây là vụ kiện dân sự không có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS năm 2015. Ngoài ra Tòa án nhân dân huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L với tư cách là bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay ông T, bà L vắng mặt không lý do, trước đó Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà bị đơn không có yêu cầu phản tố vắng mặt thì Tòa án tiến hành xử vắng mặt họ”. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L là phù hợp theo quy định pháp luật.

Quan hệ pháp luật tranh chấp xảy ra giữa nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K với bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L trả nợ cho vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 735.000.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì nguyên vào lúc trước vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K có bán thiếu thức ăn chăn nuôi cho vợ

chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L số tiền gốc là 735.000.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), thỏa thuận lãi suất chậm trả là 1%/1 tháng, sau đó đến ngày 02/09/2021 hai bên ngồi tính toán nợ với nhau, cụ thể là vợ chồng ông T, bà L thừa nhận còn thiếu nợ của vợ chồng ông M, bà K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 735.000.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), lúc đó vợ chồng ông T, bà L có làm biên nhận nợ với vợ chồng ông M, bà K vào ngày 02/09/2021, và vợ chồng ông T, bà L có thỏa thuận với vợ chồng ông M, bà K là sau khi bán heo xong vào ngày 02/10/2021 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông M, bà K. Đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông T, bà L không có đóng lãi và trả tiền gốc cho vợ chồng ông M, bà K và vợ chồng ông M, bà K nhiều lần đến nhà vợ chồng ông T, bà L đòi nợ nhưng vợ chồng ông T, bà L chỉ hứa chứ không trả nợ cho vợ chồng ông M, bà K.

Nay tại phiên tòa vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L trả nợ cho vợ chồng ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 735.000.000đ (Bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng) và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật.

Lời yêu cầu của ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K phù hợp với Điều 430, Điều 440, Điều 357 và Khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Như vậy số tiền lãi trong vụ kiện này tính từ ngày 03/09/2021 đến ngày xét xử hôm nay là ngày 01/07/2022 là 298 ngày cụ thể như sau: $735.000.000đ \times 1\% \times 298 \text{ ngày} = 73.010.000đ$ (bảy mươi ba triệu không trăm mười nghìn đồng). Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 808.010.000đ (tám trăm lẻ tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu của bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L thì vợ chồng ông T, bà L thừa nhận nợ vợ chồng ông M, bà K tiền thức ăn chăn nuôi tính đến ngày 02/09/2021 là 735.000.000đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), vợ chồng ông T, bà L có làm biên nhận nợ ngày 02/09/2021 với vợ chồng ông M, bà K, thỏa thuận lãi suất chậm trả giữa hai bên là 1%/1tháng, vợ chồng ông T, bà L có thỏa thuận với vợ chồng ông M, bà K là sau khi bán heo xong vào ngày 02/10/2021 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho vợ chồng ông M, bà K. Đến hạn trả nợ thì vợ chồng ông T, bà L không có đóng lãi và trả nợ gốc cho vợ chồng

ông M, bà K, vì hiện nay kinh tế gia đình vợ chồng ông T, bà L gặp khó khăn nên không trả được nợ cho vợ chồng ông M, bà K.

Nay tại Tòa án vợ chồng ông T, bà L thừa nhận còn nợ vợ chồng ông M, bà K số tiền gốc thức ăn chăn nuôi là 735.000.000đ (bảy trăm ba mươi lăm triệu đồng), vợ chồng ông T, bà L xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho vợ chồng ông M, bà K cho đến khi hết nợ là không có cơ sở chấp nhận. Bởi vì vợ chồng ông T, bà L xin trả dần mỗi tháng 10.000.000đ (mười triệu đồng) cho vợ chồng ông M, bà K cho đến khi hết nợ thì vợ chồng ông M, bà K không đồng ý. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số: 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ tư pháp – Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có xem xét.

Chính vì vậy Hội đồng xét xử bác lời khai nại của ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L.

[5] **Về án phí DSST:** Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Yêu cầu của vợ chồng ông M, bà K được chấp nhận nên vợ chồng ông M, bà K không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông M, bà K số tiền là 16.700.000 đồng (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006374 ngày 22/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Buộc ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L phải nộp: $\{36.000.000đ + (3\% \times 8.010.000đ)\} = 36.240.300đ$ tính tròn là 36.240.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 357, Khoản 1 Điều 468 Bộ Luật Dân Sự năm 2015, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K.

3/ Bác lời khai nại của bị đơn ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L.

4/ Buộc ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L trả cho ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K số tiền gốc và lãi là 808.010.000đ (tám trăm lẻ tám triệu không trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu Thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L nộp 36.240.000đ (ba mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K số tiền là 16.700.000đ (mười sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006374 ngày 22/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Báo cho ông Vũ Ngọc M, bà Mai Thị K biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Báo cho ông Nguyễn Công T, bà Lê Thị Thanh L biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Hiệp.
- TAND tỉnh Kiên Giang .
- Chi cục THADS huyện Tân Hiệp.
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quang Nhật